

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN: TOÁN 11

NĂM HỌC: 2024 – 2025

THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học	8			2	8				
Giải quyết vấn đề Toán học	4			2	4				1
Mô hình hóa Toán học									2
Tổng	12			4	12				3

MA TRẬN ĐẶC TẢ

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN 4 lựa chọn 12 câu 3 điểm	1	TD 3.2			Góc lượng giác	Nhận biết: - Đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại. - Sử dụng hệ thức Chasles để tính các góc lượng giác. - Tính độ dài cung tròn - Xác định được tia cuối của góc lượng giác trên đường tròn lượng giác
	2	TD 3.2			Góc lượng giác	
	3	TD 1.2			Giá trị lượng giác của một góc lượng giác	Nhận biết: - Cho biết cụ thể 1 giá trị lượng giác $\sin \alpha$ hoặc $\cos \alpha$, xác định sự tồn tại của góc lượng giác α . - Cho biết cụ thể tia cuối hoặc số đo của góc lượng giác α , xác định dấu của các giá trị lượng giác sin, cos, tan, cot của góc α .

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
						- Cho trước các giá trị lượng giác đặc biệt $(\sin \alpha, \cos \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \frac{1}{2}, \pm \frac{\sqrt{3}}{2}, \pm \frac{\sqrt{2}}{2}\}, \tan \alpha, \cot \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \sqrt{3}, \pm \frac{\sqrt{3}}{3}\})$, tìm α hoặc tìm điểm cuối biểu diễn cho góc α . - Áp dụng các hệ thức lượng giác cơ bản để tính, chứng minh,...
	4	TD 1.2			Các công thức lượng giác	Nhận biết: - Nắm được các công thức lượng giác cơ bản và sử dụng để tính các giá trị lượng giác khác khi biết 1 giá trị lượng giác - Biết cách xét dấu của các giá trị lượng giác
	5	TD 3.2			Các công thức lượng giác	Nhận biết: - Xác định tập xác định của các hàm số $y = \sin u, y = \cos u, y = \tan u, y = \cot u$ (chỉ giải một điều kiện xác định duy nhất, không có căn thức). - Xác định tính chẵn, lẻ của hàm số. - Tìm tập giá trị của các HSLG cơ bản.
	6	TD 3.2			Hàm số lượng giác và đồ thị	
	7	TD 1.2			Hàm số lượng giác và đồ thị	
	8	TD 3.2			Dãy số	Nhận biết: - Xác định được các số hạng của dãy số khi biết công thức tổng quát $u(n)$. - Liệt kê các số hạng của dãy số khi có công thức tổng quát. - Xét tính tăng giảm của dãy số hữu hạn được cho dưới dạng khai triển.
	9	GQ 1.5			Cấp số cộng	Nhận biết: - Nhận biết dãy số được cho là dãy cấp số cộng.
	10	GQ 1.5			Cấp số cộng	
	11	GQ 1.2			Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Nhận biết: - Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng khi có sẵn 2 điểm chung. - Lý thuyết
	12	GQ 1.2			Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	
TN đúng sai 4 câu 4 điểm	1				Giá trị lượng giác của một góc lượng giác	Nhận biết: - Cho biết cụ thể 1 giá trị lượng giác $\sin \alpha$ hoặc $\cos \alpha$, xác định sự tồn tại của góc lượng giác α . - Cho biết cụ thể tia cuối hoặc số đo của góc lượng giác α , xác định dấu của các giá trị lượng giác $\sin, \cos, \tan, \cot$ của góc α .
	a	TD 1.2				

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	b		TD 3.2			- Cho trước các giá trị lượng giác đặc biệt $(\sin \alpha, \cos \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \frac{1}{2}, \pm \frac{\sqrt{3}}{2}, \pm \frac{\sqrt{2}}{2}\})$ $, \tan \alpha, \cot \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \sqrt{3}, \pm \frac{\sqrt{3}}{3}\})$, tìm α hoặc tìm điểm cuối biểu diễn cho góc α. - Cho đường tròn LG. đọc GTLG - Áp dụng các hệ thức lượng giác cơ bản để tính, chứng minh,... Thông hiểu: - Tính các giá trị lượng giác còn lại của góc α nếu biết một giá trị lượng giác cụ thể của α và điều kiện $m \leq \alpha \leq n$. - Bài toán vận dụng cung liên kết để tính các giá trị lượng giác của góc $(m + \alpha)$ theo giá trị lượng giác góc α.
	c		TD 1.2			
	d		GQ 3.1			
	2					
	a	TD 3.2			Phương trình lượng giác cơ bản	Nhận biết - Giải các phương trình lượng giác dạng $\sin u = m, \cos u = m, \tan u = m, \cot u = m$ (đúng dạng). - Giải các phương trình lượng giác cơ bản đặc biệt $\sin u = 0, 1, -1; \cos u = 0, 1, -1$. Thông hiểu - Giải phương trình lượng giác cơ bản có đổi dấu hàm số lượng giác $\sin(ax + b) = -\sin(cx + d); \tan(ax + b) = -\tan(cx + d);$ $\cos(ax + b) = -\cos(cx + d); \cot(ax + b) = -\tan(cx + d)s$ - Giải phương trình lượng giác có chuyển đổi giữa sin và cos ($\sin(ax + b) = \cos(cx + d)$).
	b		TD 3.2			
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			
	3					
	a	GQ 1.5			Cấp số cộng	Nhận biết: - Cho dãy số ở dạng liệt kê hữu hạn, nhận biết được đó là dãy cấp số cộng. Thông hiểu: - Cho biết giá trị u_1, công sai của dãy cấp số cộng d, tính S_n. - Cho biết giá trị u_1, u_k của dãy cấp số cộng, tìm d.
	b		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	c		TD 3.2			- Cho biết công sai d , giá trị u_k của một cấp số cộng, tìm u_1 . - Cho giá trị u_1 , công sai d hoặc u_1 và u_n tính S_n . - Xác định u_1 và công sai d khi biết hệ phương trình bậc 1 có chứa các yếu tố u_1, d, n, u_n, S_n .
	d		TD 3.2			
	4					
	a	GQ 1.5			Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Nhận biết: - Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng khi có sẵn 2 điểm chung.
	b		GQ 1.2			Thông hiểu: - Tìm giao tuyến d của hai mặt phẳng khi đã có 1 điểm chung và có sẵn hai đường thẳng cắt nhau.
	c		GQ 1.2			- Tìm giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng thông qua 1 lần cắt nhau.
	d		GQ 1.2			
Tự luận 3 điểm	1			MH 2.1	Cấp số cộng	Vận dụng: - Giải quyết bài toán thực tiễn
	2			GQ 2.2	Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Vận dụng: - Tìm giao tuyến và giao điểm khi chưa có điểm chung
	3			MH 2.1	Phương trình lượng giác cơ bản	Vận dụng cao: - Giải quyết được bài toán thực tiễn.
TỔNG		16	12	3		
TỈ LỆ %		40	30	20		
TỔNG ĐIỂM		4	3	2	10	

NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TD1. Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	TD1.1. Thực hiện được tương đối thành thạo các thao tác tư duy. TD1.2. Phát hiện được sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống tương đối phức tạp. TD1.3. Lí giải được kết quả của việc quan sát.
TD2. Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	TD2.1. Sử dụng được các phương pháp lập luận để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.2. Sử dụng được các phương pháp quy nạp để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.3. Sử dụng được các phương pháp suy diễn để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề.
TD3. Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện học toán.	TD3.1. Nêu được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.2. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.3. Giải thích được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.4. Chứng minh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.5. Điều chỉnh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
GQ1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	GQ1.1. Xác định được tình huống có vấn đề; GQ1.2. Thu thập được thông tin; GQ1.3. Sắp xếp được thông tin; GQ1.4. Giải thích được thông tin; GQ1.5. Đánh giá được độ tin cậy của thông tin; GQ1.6. Chia sẻ được sự am hiểu vấn đề với người khác.
GQ2. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	GQ2.1. Lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. GQ2.2. Thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
GQ3. Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	GQ3.1. Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề. GQ3.2. Trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
GQ4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự.	GQ4.1. Đánh giá được giải pháp đã thực hiện. GQ4.2. Phản ánh được giá trị của giải pháp. GQ4.3. Khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
MH1. Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	MH1.1. Thiết lập được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, sơ đồ, hình vẽ, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả tình huống đặt ra trong một số bài toán thực tiễn.
MH2. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	MH2.1. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.
MH3. Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	MH3.1. Lí giải được tính đúng đắn của lời giải (những kết luận thu được từ các tính toán là có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn hay không). MH3.2. Nhận biết được cách đơn giản hoá, cách điều chỉnh những yêu cầu thực tiễn (xấp xỉ, bổ sung thêm giả thiết, tổng quát hóa,...) để đưa đến những bài toán giải được.



MA TRẬN ĐỀ VÀ BẢN ĐẶC TẢ MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- 2024-2025

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	
I	Đọc	-Văn bản thể loại thơ trữ tình -Văn bản truyện ngắn hiện đại - Tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	5	2	15 %	2	25 %	1	10 %	50%
II	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15 %		15 %		20 %		50 %
			6	30 %		40 %		30 %		100%
				Tỷ lệ		Tỷ lệ		Tỷ lệ		
			Tổng							

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN GIỮA HỌC KÌ I – 2024-2025
MÔN: NGỮ VĂN- KHỐI 11

TT	Kỹ năng	ĐV kiến thức / Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông g hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn hiện đại	* Nhận biết - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, chi tiết tiêu biểu, người kể chuyện ngôi thứ 3 và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại. *Thông hiểu - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được đặc điểm, vị trí của nhân vật trong truyện ngắn, lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản. *Vận dụng - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.	2 câu	2 câu	1 câu
		Thơ trữ tình	❖ Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ , những hình ảnh tiêu biểu... trong văn bản. - Nhận biết được ngôn từ, cấu tứ, yếu tố tượng trưng... trong văn bản. ❖ Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện văn bản. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, cấu tứ, vần, nhịp, biện pháp tu từ; phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong văn bản. - Nhận biết những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. - Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.			

			❖ Vận dụng - Rút ra chủ đề, thông điệp mà văn bản gửi đến người đọc. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.			
--	--	--	---	--	--	--

2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội *Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được vấn đề nghị luận - Xác định được mục đích, đối tượng nghị luận - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. *Thông hiểu - Phân tích được lý do và các phương diện liên quan đến vấn đề nghị luận - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp - Cấu trúc chặt chẽ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. * Vận dụng - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận * Vận dụng cao - Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt như miêu tả, tự sự, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho bài viết - Vận dụng hiệu quả các kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết	1*	1*	1* - 1
---	-------------	---	----	----	--------

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

TỔ NGOẠI NGỮ

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH

GIỮA HỌC KỲ 1 - KHỐI 11

NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Tự luận

MA TRẬN

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Phonetics	4						4	0
2	Word choice	4		1		1		6	0
3	Word form				3		2	0	5
4	Verb tenses (Past simple, Past continuous, Present perfect)	1		1			1	2	1
5	Modal verbs			1		2	2	3	2
6	Stative verbs	1				1		2	0
7	Phrasal verbs					2		2	0
8	Prepositions	1						1	0
9	Collocations/ Idioms	1						1	0
10	Synonyms/ Antonyms	2		2				4	0
11	Reading Comprehension	2		2		3		7	0
12	Complete an announcement/ advertisement	1		2				3	0
13	Cloze text	3		1		1		5	0
14	Sentence Sequencing				2			0	2
TỔNG		20	0	10	5	10	5	40	10
TỈ LỆ		40%		30%		30%			

BẢNG ĐẶC TẢ

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CHUẨN KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		NB	TH	VD
Phonetics	Nhận biết: - Xác định được vị trí dấu nhấn của từ có 2 hoặc 3 âm tiết - Xác định được các phụ âm trong 1 từ	4		
Word choice (A LONG AND HEALTHY LIFE + THE GENERATION GAP)	Nhận biết: - Nhớ nghĩa từ đã học và chọn từ đúng Thông hiểu: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng phù hợp ý của câu Vận dụng: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng, phù hợp ý của câu, phân biệt được so với các đáp án khác.	4	1	1
Word form (A LONG AND HEALTHY LIFE + THE GENERATION GAP)	Thông hiểu: - Xác định được từ loại và điền từ nghĩa phù hợp Vận dụng: - Xác định được từ loại và biết vận dụng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ phù hợp, với 1 gốc từ có nhiều từ cùng từ loại.		3	2
Verb tenses (Past simple, Past continuous, Present perfect)	Nhận biết: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu Thông hiểu: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu, biết phối hợp thì Vận dụng: - Chuyển sang thì khác không làm đổi nghĩa câu	1	1	1
Modal verbs	Thông hiểu: - Chọn đúng modal verb dựa theo dấu hiệu trong câu Vận dụng: - Chọn đúng modal verb, chuyển đổi thì cho phù hợp với câu, áp dụng chuyển câu		1	4

Stative verbs	Nhận biết: - Biết dung tính từ kết hợp với động từ tình thái Vận dụng: - Phân biệt được stative verb và action verb	1		1
Phrasal verbs	Vận dụng: - Xác định và sử dụng phrasal verb có nhiều nghĩa phù hợp với ngữ cảnh, đồng thời biết cách biến đổi theo các thì khác nhau.			2
Prepositions	Nhận biết - Xác định và sử dụng đúng giới từ tạo thành nghĩa phù hợp với ngữ cảnh	1		
Collocations/ Idioms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của cụm từ	1		
Synonyms/ Antonyms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của từ vựng Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để lựa chọn từ đồng nghĩa/ trái nghĩa	2	2	
Reading Comprehension (A LONG AND HEALTHY LIFE + THE GENERATION GAP)	Nhận biết: - Nhận biết từ khóa trong câu hỏi, chọn được câu trả lời phù hợp từ dữ liệu trong bài Thông hiểu: - Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật về các chủ đề đã học. Vận dụng: - Rút ra các suy luận từ đoạn văn	2	2	3
Complete an announcement/ advertisement	- Hiểu được những thông tin quan trọng trong các quảng cáo thường nhật. - Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay.	1	2	

Cloze text	Nhận biết: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ đúng, phù hợp Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ, phân biệt được với các đáp án cùng loại từ Vận dụng: - Sử dụng kết hợp các cụm kết hợp từ, các thành ngữ, giới từ đi kèm	3	1	1
Sentence Sequencing	Thông hiểu: - Hiểu nội dung và thực hiện việc sắp xếp lại các câu theo đúng cấu trúc và ngữ nghĩa để tạo thành 1 lá thư hoàn chỉnh		2	
Tổng		20	15	15

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MÔN: VẬT LÝ 11
BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CHO ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực			
	Số câu tự luận		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức vật lí	1,5	2,0	
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	2,5	1,0	
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học		0,5	2,5
TỔNG	10		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)
MÔN: VẬT LÝ 11

Nội dung	Cấp độ	Năng lực			Số ý/câu
		Nhận thức vật lí	Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	Số câu tự luận (số câu)
CHỦ ĐỀ 1: DAO ĐỘNG					
Bài 1. Dao động điều hòa	Nhận biết	- Nêu được khái niệm dao động điều hòa và phương trình của dao động điều hòa.	Nêu được các đại lượng đặc trưng của dao động điều hòa: biên độ, chu kì, tần số và tần số góc, pha ban đầu, độ lệch pha của hai dao động cùng chu kì.		1,5
	Thông hiểu	Dựa vào đồ thị li độ - thời gian rút ra độ lệch pha của hai dao động cùng tần số theo đơn vị độ và rad.			1
	Vận dụng			Dùng đồ thị li độ - thời gian của dao động điều hoà, tính được li độ, vận tốc và gia tốc ở thời điểm t bất kỳ.	1
Bài 2. Một số dao động điều hòa thường gặp	Nhận biết		Nêu được cấu tạo và công thức tính chu kì, tần số, tần		1,0

			số góc dao động của con lắc đơn và con lắc lò xo.		
	Thông hiểu	Hiểu được mối liên hệ giữa tần số với độ cứng lò xo và khối lượng vật trong hệ con lắc lò xo.		- Vận dụng được phương trình li độ, vận tốc để tìm vận tốc ở li độ bất kì.	1
	Vận dụng			-Dựa vào mối liên hệ giữa gia tốc và li độ tìm ra số dao động vật thực hiện trong một giây.	0,5
Bài 3. Năng lượng trong dao động điều hòa	Nhận biết		Nêu được định nghĩa và công thức động năng, thế năng, cơ năng trong dao động điều hòa.		0,5
	Thông hiểu	- Hiểu được công thức tính động năng, thế năng và cơ năng.	- Hiểu được mối liên hệ giữa chu kỳ động năng và thế năng với chu kỳ dao động của vật.		1
	Vận dụng			- Dùng đồ thị năng lượng – li độ để xác định các giá trị vận tốc, thế năng, động năng ở một vị trí li độ bất kì. - Dùng đồ thị năng lượng – li	1

				độ tìm li độ để động năng bằng n lần thế năng.	
Bài 4. Dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng	Nhận biết	- Nêu được định nghĩa dao động tắt dần, nguyên nhân tắt dần của dao động.	- Nêu được ví dụ thực tế về dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng.		1
	Thông hiểu		Hiểu hiện tượng cộng hưởng để giải bài toán thực tế về cộng hưởng hoặc giải thích hiện tượng đơn giản trong thực tế		0,5
	Vận dụng				

MA TRẬN – HÓA 11 – GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Tự luận – Thời gian: 45 phút

Chủ đề lựa chọn	Số lệnh hỏi																								
	Nhận thức hoá học											Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG
	BIẾT		HIỂU				VẬN DỤNG					BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG				VẬN DỤNG						
	HH. 1.1	HH. 1.2	HH. 1.2	HH. 1.3	HH. 1.4	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.7	HH. 1.8	HH. 2.1	HH. 2.1	HH. 2.2	HH. 2.2	HH. 2.3	HH. 2.4	HH. 2.5	HH. 3.1	HH. 3.2	HH. 3.3	HH. 3.4	HH. 3.5		
1. Khái niệm về cân bằng hóa học							1			1														2	
2. Cân bằng trong dung dịch nước	1	2														1								4	
3. Đơn chất nitrogen																									
4. Ammonia và một số hợp chất amonium														1					1					2	
5. Một số hợp chất với oxygen của nitrogen																									
6. Tổng hợp kiến thức Nitrogen và hợp chất							1					1												2	
Tổng lệnh hỏi	1	2					2			1		1		1		1			1					10	
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
	6											3								1					10
	60%											30%								10%					100%
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ	BIẾT											HIỂU								VẬN DỤNG					
	4											3								3					10
	40%											30%								30%					100%

MA TRẬN CHI TIẾT – HÓA 11 – GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Tự luận – Thời gian: 45 phút

Chủ đề lựa chọn	Dạng thức	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy																									
		Nhận thức hoá học												Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG
		BIẾT		HIỂU						VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU			VẬN DỤNG				VẬN DỤNG					
		HH. 1.1	HH. 1.2	HH. 1.2	HH. 1.3	HH. 1.4	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.7	HH. 1.8	HH. 2.1	HH. 2.1	HH. 2.2	HH. 2.2	HH. 2.3	HH. 2.4	HH. 2.5	HH. 3.1	HH. 3.2	HH. 3.3	HH. 3.4	HH. 3.5			
1. Khái niệm về cân bằng hóa học	TỰ LUẬN							Câu 5			Câu 8														2		
2. Cân bằng trong dung dịch nước	TỰ LUẬN	Câu 1	Câu 3,4														Câu 10								4		
3. Đơn chất nitrogen	TỰ LUẬN																										
4. Ammonia và một số hợp chất amonium	TỰ LUẬN														Câu 7					Câu 9					2		
5. Một số hợp chất với oxygen của nitrogen	TỰ LUẬN																										
6. Tổng hợp kiến thức Nitrogen và hợp chất	TỰ LUẬN							Câu 6					Câu 2												2		
Tổng lệnh hỏi		1	2					2			1		1		1		1			1					10		
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực		HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC												HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
		6												3								1					10
		60%												30%								10%					100%
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ		BIẾT												HIỂU								VẬN DỤNG					
		4												3								3					10
		40%												30%								30%					100%

PHỤ LỤC

NL “Nhận thức hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Nhận biết và nêu được tên các đối tượng, sự kiện, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.1	Biết
	Trình bày được các sự kiện, đặc điểm, vai trò của các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.2	Biết/ Hiểu
	Mô tả được bằng hình thức nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, bảng.	HH1.3	Hiểu
	So sánh, phân loại, lựa chọn các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo logic nhất định.	HH1.4	Hiểu
	Phân tích được các khía cạnh của đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo các tiêu chí khác nhau.	HH1.5	Hiểu/Vận dụng
	Giải thích và lập luận được về mối quan hệ giữa các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.6	Hiểu/Vận dụng
	Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được các thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày văn bản khoa học.	HH1.7	Vận dụng
	Thảo luận, đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề.	HH1.8	Vận dụng

NL “Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Đề xuất vấn đề: nhận ra và đặt câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; biểu đạt được vấn đề.	HH2.1	Biết/ Hiểu
	Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết: phân tích được vấn đề đã nêu được xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.	HH2.2	Hiểu/Vận dụng
	Lập kế hoạch thực hiện: xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát: thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn,...); lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu.	HH2.3	Vận dụng
	Thực hiện kế hoạch: thu thập được sự kiện và chứng cứ (quan sát, ghi chép, thu thập dữ liệu thực nghiệm); phân tích được dữ liệu nhằm chứng minh hay bác bỏ giả thiết; rút ra được kết luận và điều chỉnh kết luận khi cần thiết.	HH2.4	Vận dụng
	Viết, trình bày báo cáo và thảo luận: sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu; viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu; hợp tác với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải thích, phản biện, bảo vệ kết quả tìm kiếm 1 cách thuyết phục.	HH2.5	Vận dụng

NL “Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Vận dụng được kiến thức hóa học để phát hiện, giải thích được một số hiện tượng tự nhiên, ứng dụng của hóa học trong cuộc sống.	HH3.1	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức để phản biện, đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn.	HH3.2	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức tổng hợp để đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn và đề xuất một số phương pháp, biện pháp, mô hình kế hoạch giải quyết vấn đề.	HH3.3	Vận dụng
	Định hướng được ngành nghề sẽ lựa chọn sau khi tốt nghiệp THPT.	HH3.4	Vận dụng
	Ứng xử thích hợp trong các tình huống có liên quan đến bản thân, gia đình và cộng đồng phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững XH và BVMT.	HH3.5	Vận dụng

Chủ đề 1: CÂN BẰNG HÓA HỌC		
Năng lực hóa học	Biểu hiện năng lực/ Yêu cầu cần đạt	Mã hóa
Nhận thức hóa học (HH.1)	Trình bày được khái niệm phản ứng thuận nghịch và trạng thái cân bằng của một phản ứng thuận nghịch.	HH.1.2
	Viết được biểu thức hằng số cân bằng (K_C) của phản ứng thuận nghịch.	HH.1.2
	Vận dụng được nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Chatelier để giải thích ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ, áp suất đến cân bằng hóa học.	HH.1.6
	Tính giá trị hằng số cân bằng (K_C) của phản ứng thuận nghịch.	HH.1.7
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học (HH.2)	Thực hiện được thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ tới chuyển dịch cân bằng hóa học.	HH.2.6
Chủ đề 2: CÂN BẰNG TRONG DUNG DỊCH NƯỚC		
Nhận thức hóa học (HH.1)	Nêu được khái niệm và ý nghĩa của pH trong thực tiễn (liên hệ giá trị pH ở các bộ phận trong cơ thể với sức khỏe con người; pH của đất, nước tới sự phát triển của động thực vật,...).	HH.1.1
	Nêu được khái niệm sự điện li, viết được phương trình điện li.	HH.1.1
	Viết được biểu thức tính pH ($pH = -\lg[H^+]$ hoặc $[H^+] = 10^{-pH}$) và biết cách sử dụng các chất chỉ thị để xác định pH (môi trường acid, base, trung tính) bằng các chất chỉ thị phổ biến như giấy chỉ thị màu, quỳ tím, phenolphthalein,...	HH.1.2
	Nhận định được nguyên tắc xác định nồng độ acid – base mạnh bằng phương pháp chuẩn độ.	HH.1.2
	Xác định được acid, base theo thuyết thuyết Brønsted – Lowry	HH.1.2
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học (HH.2)	Thực hiện được thí nghiệm chuẩn độ acid – base: Chuẩn độ dung dịch base mạnh (sodium hydroxide) bằng dung dịch acid mạnh (hydrochloric acid).	HH.2.4
	Thực hiện được các bài toán tính pH, bảo toàn điện tích, pha loãng hay cô đặc dung dịch. Đề xuất được cách xử lý đất, nước theo pH.	HH.2.3
Chủ đề 3: ĐƠN CHẤT NITROGEN VÀ MỘT SỐ HỢP CHẤT QUAN TRỌNG CỦA NITROGEN		
Nhận thức hóa học (HH.1)	Phát biểu được trạng thái tự nhiên của nguyên tố nitrogen.	HH.1.1
	Giải thích được tính trơ của đơn chất nitrogen ở nhiệt độ thường thông qua liên kết và giá trị năng lượng liên kết.	HH.1.6
	Trình bày được sự hoạt động của đơn chất nitrogen ở nhiệt độ cao đối với hydrogen, oxygen.	HH.1.2
	Liên hệ được quá trình tạo và cung cấp nitrate cho đất từ nước mưa.	HH.1.6
	Mô tả được công thức Lewis và dạng hình học của phân tử ammonia.	HH.1.3
	Dựa vào đặc điểm cấu tạo của phân tử ammonia, giải thích được tính chất vật lí (tính tan), tính chất hóa học (tính base, tính khử). Viết được PTHH minh họa.	HH.1.6

	Vận dụng được kiến thức về cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, biến thiên enthalpy cho phản ứng tổng hợp ammonia từ nitrogen và hydrogen trong quá trình Haber.	HH.1.6
	Trình bày được ứng dụng của ammonia (chất làm lạnh; sản xuất phân bón như: đạm, ammonphos; sản xuất nitric acid; làm dung môi,...).	HH.1.2
	Trình bày được các tính chất cơ bản của muối ammonium (dễ tan và phân li, chuyển hóa thành ammonia trong kiềm, dễ bị nhiệt phân) và nhận biết được ion ammonium trong dung dịch.	HH.1.1
	Trình bày được ứng dụng của ammonium nitrate và một số muối ammonium tan trong phân đạm, phân ammonphos,...	HH.1.2
	Nêu được cấu tạo của phân tử HNO_3 , tính acid, tính oxi hóa mạnh trong một số ứng dụng thực tiễn quan trọng của nitric acid.	HH.1.1
	Viết phản ứng minh họa tính chất hoặc thực hiện chuỗi phản ứng của nitrogen và các hợp chất của nitrogen.	HH.1.6
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học (HH.2)	Biết được ứng dụng của Nitrogen và các hợp chất của nitrogen. Giải thích được nguyên nhân, hệ quả của một số hiện tượng tự nhiên có liên quan đến nitrogen và hợp chất của nitrogen	HH.2.1
	Giải thích được một số đặc điểm khi bảo quản muối ammonium, ứng dụng của ammonium nitrate và một số muối ammonium	HH.2.2
	Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm nhận biết ion ammonium trong phân đạm chứa ion ammonium.	HH.2.4
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học (HH.3)	Vận dụng được kiến thức về cân bằng hoá học, tốc độ phản ứng, enthalpy, hiệu suất cho phản ứng tổng hợp ammonia từ nitrogen và hydrogen trong quá trình Haber.	HH.3.1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN: SINH HỌC 11

NĂM HỌC: 2024 – 2025

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Hình thức: điền khuyết, trả lời ngắn, ghép nối.

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	Nhận biết: - Trình bày được các vai trò của nước đối với thực vật. - Mô tả các con đường xâm nhập của nước từ tế bào lông hút vào mạch gỗ của rễ. - Mô tả sơ lược cấu tạo mạch gỗ, mạch rây. - Liệt kê được các tác nhân của môi trường ảnh hưởng đến sự trao đổi nước của thực vật. - Liệt kê được các con đường thoát hơi nước Thông hiểu: - Hiểu được động lực của dòng mạch gỗ, mạch rây.	2	4	1	4	1	3			0	4	11	25

		- Ý nghĩa của sự thoát hơi nước đối với thực vật. - Cơ chế hấp thụ khoáng. Vận dụng: - Phân biệt cơ chế trao đổi khoáng và trao đổi nước. - Phân biệt dòng mạch gỗ và mạch rây về: thành phần, động lực												
2	Dinh dưỡng nitrogen	Nhận biết: - Vai trò của nitrogen đối với thực vật. - Nguồn cung cấp nitrogen cho thực vật. - Các dạng nitrogen cây hấp thụ được.	2	4	1	2					0	3	8	15
3	Quang hợp ở thực vật	Nhận biết: - Khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp - Đặc điểm thực vật C3, C4, CAM. - Liệt kê các nhân tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến quang hợp Thông hiểu: - Phân biệt được các nhóm thực vật C3, C4, CAM. - Ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quang hợp Vận dụng: Chứng minh được các biện pháp tăng năng suất cây trồng qua các ví dụ cụ thể	1	4	1	4	1	4			0	3	12	30

4	Hô hấp ở thực vật	Nhận biết: - Khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm, phương trình hô hấp. - Vai trò của hô hấp Thông hiểu: - Mối quan hệ giữa quang hợp, hô hấp, môi trường. - Các giai đoạn của hô hấp hiếu khí, hô hấp kị khí - Vận dụng cao: Giải thích một số biện pháp bảo quản nông sản	1	4	1	4			1	6	0	3	14	30
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		0	13	45	100%
Tỉ lệ chung			70%				30%							

Giáo viên

Nguyễn Thị Bích Hiền

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

MÔN: Lịch sử 11– Thời gian làm bài 45 phút

CHỦ ĐỀ/ BÀI	CẤP ĐỘ TƯ DUY	Số câu hỏi theo cấp độ tư duy			Tổng
		NB	TH	VD	
Dạng thức 1 (câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn)					
Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	Nhận biết -Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng -Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản Thông hiểu -Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. Vận dụng - Phân tích được tính chất và đặc điểm của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp.	6	4	2	12
Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	Nhận biết - Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ trên bản đồ hoặc đường thời gian. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. Thông hiểu - Chỉ ra được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Vận dụng - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.	6	4	2	12
		12	8	4	24

Dạng thức 2 (câu trắc nghiệm đúng/sai)		Số ý	Số ý	Số ý	
Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	Nhận biết -Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng -Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản Thông hiểu -Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. Vận dụng - Phân tích được tính chất và đặc điểm của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp.	2	2	4	4
Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	Nhận biết - Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ trên bản đồ hoặc đường thời gian. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. Thông hiểu - Chỉ ra được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Vận dụng - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.	2	2	4	4
		4 ý	4 ý	8 ý	16
Tổng 2 phần		16	12	12	40
Điểm		4đ	3đ	3đ	10đ
%		40%	30%	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ – LỚP 11

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	- Các nhóm nước - Sự khác biệt về kinh tế - xã hội	Nhận biết – Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.	5	2	2	
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.	- Toàn cầu hoá kinh tế - Khu vực hoá kinh tế	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế. – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.	3	3	3	
3	Một số tổ chức khu vực và quốc tế	- Một số tổ chức khu vực và quốc tế	- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).	2	3	3	
4	Một số vấn đề an ninh toàn cầu	- An ninh toàn cầu	Nhận biết - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay. Thông hiểu - Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.	5	2	2	

5	Tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế Mỹ LaTinh	- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên - Dân cư, xã hội - Kinh tế - Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết	Nhận biết – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được ảnh hưởng của vấn đề đô thị hoá, vấn đề dân cư, xã hội của khu vực đến phát triển kinh tế – xã hội – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. Vận dụng cao – Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. – Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.	5	5	5	
Số câu/ loại câu			20	15	15	0	
Tổng hợp chung			40%	30%	30%	0%	

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I-Năm học: 2024-2025

MÔN: GDKT&PL11

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ TƯ DUY						TỔNG SỐ CÂU	ĐIỂM SỐ
			PHẦN I			PHẦN II				
			Biết	Hiểu	Vận dung	Biết	Hiểu	Vận dung		
1	Chủ đề 1: Cạnh tranh, Cung – cầu trong nền kinh tế	Bài 1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	1	1			1		4	1.75
		Bài 2. Cung cầu trong nền kinh tế thị trường	3	2	1			1	7	2.5
2	Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp trong kinh tế thị trường	Bài 3. Lạm phát trong kinh tế thị trường	3	2	1	1			7	2.5
		Bài 4. Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	2	2	1				5	1.25
3	Chủ đề 3: Thị trường lao động, việc làm	Bài 5. Thị trường lao động, việc làm	2	1	1			1		2.0
4	Tổng số câu		12	8	4	1	1	2	28	10

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
MÔN: GDKT&PL11

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	PHẦN I			PHẦN 2		
				Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Chủ đề 1: Cạnh tranh, Cung – cầu trong nền kinh tế	Bài 1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm cạnh tranh	1	1				
			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh - Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.			1		1	
			Vận dụng: - Ủng hộ cạnh tranh lành mạnh. - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.						
		Bài 2. Cung cầu trong nền kinh tế thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm cung, cầu	1	1	1			
			Thông hiểu - Nêu được khái niệm		1	1			

			cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.						
			Vận dụng: - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.			1			1
2	Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế của thị trường + Chủ đề 3: Thị trường lao động, việc làm	Bài 3. Lạm phát trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm lạm phát. - Liệt kê được các loại hình lạm phát.	1	1	1	1		
			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.	1	1				
			Vận dụng:			1			

			- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.						
		Bài 4. Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được khái niệm thất nghiệp. - Liệt kê được các loại hình thất nghiệp.		1	1			
			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.	1	1				
			Vận dụng: - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế			1			

			thất nghiệp. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp..						
		Bài 5. Thị trường lao động, việc làm.	Nhận biết: Nêu được các khái niệm: - Lao động - Việc làm. - Thị trường lao động. - Thị trường việc làm.	1		1			
			Thông hiểu: - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.		1				
			Vận dụng: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị			1		1	

			trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.						
3	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			6	8	10	1	2	1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Năng lực	Cấp độ tư duy					
	Phần I			Phần II		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận thức công nghệ	8	3	3	1		
Giao tiếp công nghệ	3	3	1	2	2	2
Sử dụng công nghệ		1		1	1	2
Đánh giá công nghệ	1				1	1
Thiết kế kĩ thuật		1				3
Tổng	12	8	4	4	4	8

MA TRẬN ĐẶC TẢ CÂU HỎI - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

[illegible]

	18	a3.1														
	19	a3.1														
	20					b3.1										
	21														e.3.1	
	22								c.3.2							
	23										d.3.1					
	24						b3.2									
Dạng thức II	1				b3.1											
										c3.1						
									c3.1							
		a3.1														
	2				b3.1											
								c3.1					d3.1			
										c3.1						
						b3.1										
	3				b3.1											
						b3.1										
												d3.1				
	4				b3.2											
															e3.1	
															e3.3	
															e3.3	
Tổng	40	9	3	3	5	5	3	1	2	2	1	1	1	0	1	3

MA TRẬN ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Chủ đề	Năng lực môn học														
	Nhận thức công nghệ			Giao tiếp công nghệ			Sử dụng công nghệ			Đánh giá công nghệ			Thiết kế kĩ thuật		
	Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>
Giới thiệu chung về cơ khí chế tạo	- Trình bày được khái niệm, vai trò của cơ khí chế tạo.	- Nêu được những đặc điểm của cơ khí chế tạo.	- Biết được một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực cơ khí chế tạo.	- Mô tả được các bước cơ bản trong quy trình chế tạo cơ khí			- Biết đặc điểm của cơ khí chế tạo.					- Áp dụng được các bước cơ bản trong quy trình chế tạo cơ khí.		- Hiểu rõ về quy trình chế tạo cơ khí.	- Viết được quy trình chế tạo một sản phẩm cơ khí.
Vật liệu cơ khí	- Trình bày được khái niệm, yêu cầu, các tính chất	- Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu kim	- Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phi kim	- Mô tả được tính chất, công dụng của vật liệu kim loại.	- Hiểu được tính chất, công dụng của vật liệu mới.	- Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phi kim loại phổ biến		- Hiểu được tính chất cơ bản của một số vật liệu phi kim loại phổ biến	- Sử dụng được vật liệu kim loại và hợp kim vào sản phẩm cơ khí.	- Biết đặc điểm, ứng dụng của của vật liệu mới.	- Hiểu được tính chất cơ bản của một số vật liệu phi kim			- Hiểu rõ về vật liệu kim loại và hợp kim.	- Sử dụng vật liệu mới vào sản phẩm cơ khí.

	cơ bản của vật liệu cơ khí. - Mô tả được tính chất cơ bản, công dụng của vật liệu kim loại và hợp kim.	loại phổ biến bằng phương pháp đơn giản.	loại phổ biến bằng phương pháp đơn giản			bằng phương pháp đơn giản.		bằng phương pháp đơn giản.			công dụng của vật liệu mới.			- Hiểu rõ về công dụng của vật liệu mới.	
Tổng	9	3	3	5	5	3	1	2	2	1	1	1	0	1	3



TIÊU CHÍ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – MÔN TIN HỌC 11

Hình thức: THỰC HÀNH trong thời gian 60 phút		
ĐỀ BÀI:		
Vẽ một đối tượng theo yêu cầu của giáo viên đứng lớp.		
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM:		
1	Mở phần mềm, lưu sản phẩm với tên theo quy định của giáo viên	1 điểm
2	<i>Sản phẩm ứng được tối thiểu 70% lượng kiến thức sau:</i> ✓ Thiết lập kích thước sản phẩm ✓ Thiết lập vùng chọn bằng các công cụ chọn Rectangle, Circle, Free Selection, Fuzzy Selection,... ✓ Chỉnh màu sắc: Chỉnh độ sáng / độ tương phản / độ bão hòa, Hue Saturation ✓ Các thao tác với Layer : chèn, copy, xóa, gộp, liên kết, tô màu,... ✓ Vẽ, tô màu , xóa chi tiết thừa. ✓ Xoay- lật hình, thay đổi kích thước, hình dạng ảnh ✓ Chèn và định dạng Text ✓ Một số chức năng khác trong phần mềm GIMP	7 điểm
3	Ý tưởng, tính thẩm mỹ	2 điểm

I. MỤC ĐÍCH – Ý NGHĨA

- Đánh giá năng lực thích ứng với cuộc sống của học sinh, thể hiện các kỹ năng:
- + Lựa chọn và thực hiện được cách ứng xử thể hiện kỹ năng làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè.
- + Lựa chọn và thực hiện được cách ứng xử thể hiện kỹ năng thích ứng với sự thay đổi.
- Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Bài thực hành của học sinh

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung :

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 1: Xây dựng và phát triển nhà trường	- Nêu cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè
	- Làm chủ, kiểm soát mối quan hệ với bạn bè trong trường cũng như qua mạng xã hội
	- Liệt kê được cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô
	- Hợp tác với bạn bè để thực hiện một hoạt động phát huy truyền thống nhà trường
	- Đánh giá hiệu quả của hoạt động phát huy truyền thống nhà trường
	- Thực hiện được các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
	- Thể hiện sự tự tin trong các tình huống giao tiếp, ứng xử với thầy cô, bạn bè
Chủ đề 2: Khám phá bản thân	- Xác định được những đặc điểm riêng của bản thân
	- Tự tin khi chia sẻ với bạn bè về đặc điểm riêng của bản thân
	- Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để thích ứng với sự thay đổi

	- Lập và thực hiện được kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi
	- Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Cần xác định nội dung đầy đủ theo đúng chủ đề		
2	Nội dung được trình bày chính xác, đa dạng, có cập nhật thông tin		
3	Hình thức trình bày: hấp dẫn, sáng tạo, lời cuốn,...		
4	Hoàn thành bài theo kế hoạch và thời gian đã xác định		
5	Báo cáo kết quả thực hiện		

+ Đạt: Học sinh đạt được 3 tiêu chí trở lên

+ Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 2 tiêu chí trở xuống

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá giữa kì 1 cho học sinh khối 11 của nhóm HDTN-HN, rất mong Ban Giám Hiệu phê duyệt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Người lập kế hoạch

Nhóm HDTN-HN

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I (Năm học 2024-2025)

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 11

(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn)

STT	Chủ đề/Bài học	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 1. Văn học hiện đại của Thành phố Hồ Chí Minh	- Phác thảo về văn học hiện đại thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản văn học hiện đại thành phố Hồ Chí Minh - Viết bài giới thiệu về một tác giả văn học hiện đại của thành phố Hồ Chí Minh - Giới thiệu về một tác phẩm văn học hiện đại của thành phố Hồ Chí Minh	- Giới thiệu được một nhà văn của Thành phố Hồ Chí Minh; - Mô tả các thành tựu cơ bản của văn học hiện đại Thành phố Hồ Chí Minh; - Chọn và phân tích một tác phẩm văn học hiện đại tiêu biểu. - Tìm hiểu nét đẹp quê hương qua văn học hiện đại Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Chủ đề 2. Danh nhân lịch sử của Thành phố Hồ Chí Minh	- Khái quát về danh nhân lịch sử ở Thành phố Hồ Chí Minh - Một số danh nhân lịch sử tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Kể được tên ít nhất 3 nhân vật lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh; - Lựa chọn, tìm hiểu một nhân vật; Nêu được đóng góp của một nhân vật; - Chia sẻ cảm nhận của bản thân về một nhân vật; - Tôn trọng, kính yêu, biết ơn người có công.